

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV THỦY NÔNG CAO BẰNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 22
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng tiền thân là Công ty Thủy nông Cao Bằng, được chuyển đổi theo Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800104615, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2007 do Sở Tài chính (trước là Sở Kế hoạch và Đầu tư) tỉnh Cao Bằng cấp, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 04 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại số 058, Tổ 9, Phường Tân Giang, Tỉnh Cao Bằng.

CHỦ TỊCH, BAN GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Bé Văn Thìm	Chủ tịch	(Bổ nhiệm lại ngày 04 tháng 05 năm 2025)
Ông La Chí Thành	Giám đốc	(Bổ nhiệm lại ngày 08 tháng 05 năm 2025)
Ông Trần Đức Minh	Phó Giám đốc	
Bà Nông Thị Cúc	Phó Giám đốc	
Bà Nông Thị Bích Hòa	Kế toán trưởng	

Kiểm soát viên trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Lưu Chí Đức.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc



La Chí Thành



Số: 21/2026/ASCO/BCKT-NV1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ sở hữu, Chủ tịch và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng được lập ngày 27 tháng 02 năm 2026, từ trang 6 đến trang 22, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi đã không được bố trí tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho và tiền mặt của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 và 01/01/2025. Với các tài liệu được cung cấp và bằng những thủ tục kiểm toán thay thế khác cũng không thể giúp chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán về tính hiện hữu, đánh giá và chính xác của khoản mục này cũng như ảnh hưởng nếu có đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.



- Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, một số khoản công nợ phải thu khác, phải trả khác tại ngày 31/12/2025 chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ với số tiền lần lượt là 753.869.731 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 815.371.047 đồng), 126.733.706 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 126.733.706 đồng). Đồng thời, một số khoản công nợ phải thu tạm ứng, số tiền: 901.221.000 đồng, phải thu khác, số tiền: 590.861.118 đồng tồn đọng chưa được Công ty đánh giá để trích lập dự phòng (nếu có). Với các tài liệu hiện có và thủ tục thay thế cũng không thể giúp chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán về tính hiện hữu, chính xác, đánh giá và khả năng thu hồi của các khoản mục này cũng như ảnh hưởng nếu có đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính này.

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2026

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO



Phan Đình Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4887-2024-149-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Đức Mạnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 6142-2023-149-1

IN VA
4170
HỘI

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND (Trình bày lại)
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		8.329.344.186	5.491.496.802
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	3.498.264.601	1.888.319.338
111 1. Tiền		3.498.264.601	1.888.319.338
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.754.361.708	3.524.276.237
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	3.072.470.917	1.686.914.425
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	8.937.799	8.937.799
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.761.092.431	1.916.863.727
137 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(88.139.439)	(88.439.714)
140 IV. Hàng tồn kho	8	75.663.800	75.663.800
141 1. Hàng tồn kho		75.663.800	75.663.800
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		1.054.077	3.237.427
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	2.183.350
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	1.054.077	1.054.077
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		491.306.673.909	491.477.575.315
220 II. Tài sản cố định		491.304.544.742	491.459.174.898
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	491.304.544.742	491.459.174.898
222 - Nguyên giá		493.548.512.440	493.548.512.440
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(2.243.967.698)	(2.089.337.542)
260 VI. Tài sản dài hạn khác		2.129.167	18.400.417
261 1. Chi phí trả trước dài hạn		2.129.167	18.400.417
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		499.636.018.095	496.969.072.117

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND (Trình bày lại)
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		5.509.269.273	2.901.353.952
310 I. Nợ ngắn hạn		5.509.269.273	2.901.353.952
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	3.019.735.248	782.087.154
313 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	11.065.909	-
314 3. Phải trả người lao động		1.046.992.321	1.053.952.134
315 4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	74.953.000	37.800.000
319 5. Phải trả ngắn hạn khác	13	1.356.522.795	1.027.514.664
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		494.126.748.822	494.067.718.165
410 I. Vốn chủ sở hữu	14	494.126.748.822	494.067.718.165
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		497.825.676.649	497.825.676.649
418 2. Quỹ đầu tư phát triển		81.373.287	81.373.287
420 3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.250.000	2.250.000
421 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.782.551.114)	(3.841.581.771)
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.841.581.771)	(3.848.779.995)
421b - LNST chưa phân phối năm nay		59.030.657	7.198.224
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		499.636.018.095	496.969.072.117

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nông Thị Bích Hòa

Nông Thị Bích Hòa



La Chí Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2025

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND (Trình bày lại)
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	16.473.706.923	13.386.219.245
02 1. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		16.473.706.923	13.386.219.245
11 3. Giá vốn hàng bán	16	15.086.626.078	12.370.619.663
20 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.387.080.845	1.015.599.582
21 5. Doanh thu hoạt động tài chính	17	59.888.102	68.801.324
22 5. Chi phí tài chính		-	-
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25 5. Chi phí bán hàng		-	-
26 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	1.426.618.883	1.077.559.002
30 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.350.064	6.841.904
31 8. Thu nhập khác	19	40.091.282	1.506.227
32 9. Chi phí khác		1.410.689	1.149.907
40 10. Lợi nhuận khác		38.680.593	356.320
50 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		59.030.657	7.198.224
51 11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	-
52 11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60 12. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>59.030.657</u>	<u>7.198.224</u>

Người lập biểu

Nông Thị Bích Hòa

Kế toán trưởng

Nông Thị Bích Hòa

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Giám đốc



La Chí Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2025
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	15.090.610.020	11.880.551.850
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(5.658.065.876)	(3.834.335.083)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(6.768.847.748)	(6.276.555.020)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	2.377.207.200	1.389.752.958
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(3.490.846.435)	(5.282.953.456)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.550.057.161	(2.123.538.751)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	(96.406.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	(10.700.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	10.700.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	59.888.102	68.801.324
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	59.888.102	(27.604.676)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	1.609.945.263	(2.151.143.427)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	1.888.319.338	4.039.462.765
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3 3.498.264.601	1.888.319.338

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nông Thị Bích Hòa

Nông Thị Bích Hòa



La Chí Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng tiền thân là Công ty Thủy nông Cao Bằng, được chuyển đổi theo Quyết định số 3034/QĐ-UBND ngày 27/12/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4800104615, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 06 năm 2007 do Sở Tài chính (trước là Sở Kế hoạch và Đầu tư) tỉnh Cao Bằng cấp, thay đổi lần thứ 3 ngày 09 tháng 04 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại số 058, Tổ 9, Phường Tân Giang, Tỉnh Cao Bằng.

Công ty TNHH MTV Thủy nông Cao Bằng là Công ty TNHH MTV do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 92 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 92 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ thủy lợi gồm: quản lý, vận hành, khai thác hệ thống công trình thủy lợi, tưới tiêu nước, xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
Chi tiết: Tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp, cung cấp nước cho các ngành kinh tế, dân sinh.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
Chi tiết: Xây lắp, sửa chữa các công trình thủy lợi trong tỉnh; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
Chi tiết: Khảo sát thiết kế công trình thủy lợi, thủy điện, cấp thoát nước, xây dựng dân dụng; Tư vấn giám sát công trình xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.4 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.5 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị khác	04 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị văn phòng	04 - 06 năm

2.6 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.7 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.8 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh theo các quy định hiện hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.10 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm cho thuê mặt nước được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	706.745.915	243.259.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.791.518.686	1.645.059.838
	3.498.264.601	1.888.319.338

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Sở Tài chính Cao Bằng	948.318.815	-	948.318.659	-
Phòng Kinh tế xã Đoài	702.143.930	-	-	-
Phòng Kinh tế xã Minh Tâm	501.896.710	-	-	-
Phòng Kinh tế - UBND TP Cao Bằng	-	-	507.802.494	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	920.111.462	-	230.793.272	-
	3.072.470.917	-	1.686.914.425	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Trạm Thủy nông Hoà An	6.252.719	-	6.252.719	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	2.685.080	-	2.685.080	-
	8.937.799	-	8.937.799	-

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	1.007.222.700	-	1.101.492.680	-
- Bà Nông Thị Bích Hoà	518.937.000	-	518.937.000	-
- Ông Trần Đức Minh	211.800.000	-	211.800.000	-
- Ông Bế Văn Thim	51.282.000	-	111.282.000	-
- Ông La Chí Thành	26.000.000	-	30.000.000	-
- Các đối tượng khác	199.203.700	-	229.473.680	-

Phải thu khác	753.869.731	(88.439.714)	815.371.047	(88.439.714)
- Lương nội bộ phải thu	388.625.387	-	392.406.504	-
- Các khoản phải thu khác	365.244.344	(88.439.714)	422.964.543	(88.439.714)
	1.761.092.431	(88.439.714)	1.916.863.727	(88.439.714)
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	828.818.000	-	896.487.000	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 22)

7 . NỢ XẤU

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Ông Nguyễn Minh Trường	84.500.000	59.150.000	84.500.000	59.150.000
- Ông Nguyễn Đào Thâm	51.841.000	36.288.700	51.841.000	36.288.700
- Các đối tượng khác	158.458.047	111.220.908	158.458.047	110.920.633
	294.799.047	206.659.608	294.799.047	206.359.333

8 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	75.663.800	-	75.663.800	-
	75.663.800	-	75.663.800	-

9 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	2.793.018.751	1.093.245.800	1.113.200.000	120.500.000	488.428.547.889	493.548.512.440
- Phân loại lại	488.428.547.889	-	-	-	(488.428.547.889)	-
Số dư cuối năm	491.221.566.640	1.093.245.800	1.113.200.000	120.500.000	-	493.548.512.440
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	817.691.057	37.946.485	1.113.200.000	120.500.000	-	2.089.337.542
- Khấu hao trong năm	139.505.156	15.125.000	-	-	-	154.630.156
Số dư cuối năm	957.196.213	53.071.485	1.113.200.000	120.500.000	-	2.243.967.698
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	1.975.327.694	1.055.299.315	-	-	488.428.547.889	491.459.174.898
Tại ngày cuối năm	490.264.370.427	1.040.174.315	-	-	-	491.304.544.742

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 1.406.323.599 VND.

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Duy Tiến	2.496.051.000	2.496.051.000	516.549.000	516.549.000
Công ty TNHH Xây dựng Bằng Phúc	282.047.000	282.047.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	241.637.248	241.637.248	265.538.154	265.538.154
	<u>3.019.735.248</u>	<u>3.019.735.248</u>	<u>782.087.154</u>	<u>782.087.154</u>

CÔNG TY TNHH MTV THỦY NÔNG CAO BẰNG

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm VND	Số phải nộp đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải thu cuối năm VND	Số phải nộp cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.465.909	-	-	2.465.909
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.054.077	-	-	-	1.054.077	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	10.241.517	1.641.517	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	28.811.124	28.811.124	-	8.600.000
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.606.000	3.606.000	-	-
	1.054.077	-	45.124.550	34.058.641	1.054.077	11.065.909

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí vận hành và duy tu, bảo dưỡng hệ thống trạm bơm, kênh mương.	58.753.000	-
Chi phí phải trả khác	16.200.000	37.800.000
	<u>74.953.000</u>	<u>37.800.000</u>

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
	VND	VND
Phải trả, phải nộp khác	1.336.849.049	904.434.349
- Khoản tiền bảo hành công trình giữ lại theo hợp đồng	1.210.061.700	777.647.000
- Các khoản khác	126.787.349	126.787.349
Chi phí hoạt động của Ban Quản lý dự án Thủy nông	19.673.746	123.080.315
	<u>1.356.522.795</u>	<u>1.027.514.664</u>

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn CSH VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	497.825.476.649	81.373.287	1.250.000	(3.848.779.995)	494.060.519.941
Lãi trong năm trước	-	-	-	7.198.224	7.198.224
Số dư cuối năm trước	497.825.476.649	81.373.287	1.250.000	(3.841.581.771)	494.067.718.165
Lãi trong năm nay	-	-	-	59.030.657	59.030.657
Số dư cuối năm nay	497.825.476.649	81.373.287	1.250.000	(3.782.551.114)	494.126.748.822

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu từ hỗ trợ kinh phí dịch vụ công ích thủy lợi	16.449.047.832	13.361.560.154
Doanh thu cho thuê sử dụng mặt hồ	24.659.091	24.659.091
	<u>16.473.706.923</u>	<u>13.386.219.245</u>

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.086.626.078	12.370.619.663
	<u>15.086.626.078</u>	<u>12.370.619.663</u>

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	59.888.102	68.801.324
	<u>59.888.102</u>	<u>68.801.324</u>

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	105.457.305	162.034.345
Chi phí khấu hao tài sản cố định	139.505.156	187.951.398
Thuế, phí và lệ phí	32.517.124	33.903.600
Hoàn nhập dự phòng	(300.275)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	313.671.895	261.555.166
Chi phí khác bằng tiền	835.767.678	432.114.493
	<u>1.426.618.883</u>	<u>1.077.559.002</u>

19 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Khoản thu bảo đảm dự thầu	40.000.000	-
Các khoản khác	91.282	1.506.227
	<u>40.091.282</u>	<u>1.506.227</u>

20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	59.030.657	7.198.224
Các khoản điều chỉnh giảm	(59.030.657)	(7.198.224)
- Chuyển lỗ các năm trước	(59.030.657)	(7.198.224)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Ông Bé Văn Thìm	Chủ tịch
- Ông La Chí Thành	Giám đốc
- Ông Trần Đức Minh	Phó Giám đốc
- Bà Nông Thị Cúc	Phó Giám đốc
- Bà Nông Thị Bích Hòa	Kế toán trưởng

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
Ông Bé Văn Thìm	Chủ tịch	(60.000.000)	(25.000.000)
- Hoàn ứng		(60.000.000)	(25.000.000)
Ông La Chí Thành	Giám đốc	(4.000.000)	(45.000.000)
Hoàn ứng		(1.000.000)	(15.000.000)

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	31/12/2025	01/01/2025
		VND	VND
Tạm ứng		808.019.000	872.019.000
- Ông Bé Văn Thìm	Chủ tịch	51.282.000	111.282.000
- Ông La Chí Thành	Giám đốc	26.000.000	30.000.000
- Ông Trần Đức Minh	Phó Giám đốc	211.800.000	211.800.000
- Bà Nông Thị Bích Hoà	Kế toán trưởng	518.937.000	518.937.000

Phải thu khác		20.799.000	24.468.000
- Ông Bế Văn Thìm	Chủ tịch	-	3.669.000
- Ông Trần Đức Minh	Phó Giám đốc	14.750.000	14.750.000
- Bà Nông Thị Bích Hoà	Kế toán trưởng	6.049.000	6.049.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Thu nhập của Giám đốc	155.381.808	151.200.000
- Thu nhập của thành viên khác trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	445.791.979	339.054.545

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT kiểm toán.

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 căn cứ theo Biên bản thẩm định quyết toán kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 của Sở tài chính tỉnh Cao Bằng. Theo đó, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được điều chỉnh như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước	Số liệu điều chỉnh	Chênh lệch
		VND	VND	VND
a) Bảng Cân đối kế toán				
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.690.208.625	1.686.914.425	3.294.200
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(3.838.287.571)	(3.841.581.771)	3.294.200
b) Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh				
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	13.389.513.445	13.386.219.245	3.294.200
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	10.136.104	6.841.904	3.294.200
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	10.492.424	7.198.224	3.294.200
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	10.492.424	7.198.224	3.294.200

Người lập biểu

Nông Thị Bích Hòa

Kế toán trưởng

Nông Thị Bích Hòa

Cao Bằng, ngày 27 tháng 02 năm 2026

Giám đốc



La Chí Thành